TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-PT
Ngày 07 - 4 - 2022
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy một phần giấy CNQSDĐ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

Ông Trần Tuấn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án Nh dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nh dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022, về "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ 4, ấp L T, xã LN, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức Bằng, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 28-3-2022); có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 6, ấp L T, xã L N, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Số X Đường Y, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2.2. Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp TĐ 1, xã S Đ, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; tạm trú tại: Số X, Đường Y, Phường

5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2.3. Anh Nguyễn Hoàng Kh, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp BD, xã PN, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Số X8, Đường Y, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X và anh Kh: Bà Phạm Thụy Sang, sinh năm 1974; địa chỉ: A24409, Số 02, Đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 04-5-2020; có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp L T, xã L N, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.2. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp L T, xã L N, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.3. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp L T, xã L N, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.4. Chị Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp TT, xã TM, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Ô, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp L T, xã L N, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

5. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Nh – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - bà Trần Thị Nh trình bày:

Bà và bà X là chị em bạn dâu, chồng bà là ông Nguyễn Văn B (đã chết), chồng bà X là ông Nguyễn Văn B1 (đã chết). Bà kiện bà X và các con bà X là anh Kh, anh L tranh chấp phần đất diện tích 1.500 m^2, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) là 1.317,5 m^2 (đo đạc thực tế 1.260,6 m^2) tại thửa đất số 237, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp L T, xã L N, huyện Dương Minh Châu. Nguồn gốc đất này do chồng bà là ông B đổi với ông Đặng Văn Th và Đặng Văn L năm 1989. Cụ thể: ông Nguyễn Văn B giao cho ông Th, ông L 01 chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Cub 50, ông Th và ông L giao cho ông B 13.809 m^2 đất ruộng, đồng. Đồng thời ông Th và ông L còn trả bù lại cho ông B 01 chỉ vàng 24K. Trong diện tích 13.809 m^2 đất thì đất ruộng 12.309 m^2 (diện tích đất còn rừng là 7.000 m^2 và diện tích đất ruộng là 5.309 m^2), diện tích đất đồng là 1.500 m^2. Khi trao đổi ruộng đất hai bên có lập "*Giấy trao đổi ruộng đất ngày 25-4-1989*", có xác nhận của địa phương. Sau khi trao đổi, vợ chồng bà sử dụng diện tích đất ruộng còn diện tích đất đồng thì cho cụ T là (mẹ ông B, ông B1) mượn sử dụng, thời điểm này ông B1 và bà Ô còn cùng sống với

cụ T. Khi cụ T, ông B và ông B1 còn sống thì anh, chị, em có nói rõ diện tích đất đồng cụ T còn sống thì sử dụng, khi nào cụ T chết thì trả lại cho vợ chồng bà sử dụng và đi làm giấy tờ (chỉ nói miệng không giấy tờ). Đầu năm 2014, cụ T chết, cuối năm 2014 ông B chết, bà không biết lý do vì sao ông B1 (em chồng) làm thủ tục để được cấp GCNQSDĐ. Năm 2016 ông B1 chết, đất này sang tên cho anh L và anh Kh. Năm 2019, bà phát hiện anh L và anh Kh làm hàng rào trên đất bà ngăn cản và báo với chính quyền địa phương nhưng hòa giải không thành.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà X, anh L, anh Kh trả lại cho bà phần đất đồng 1.500m^2 (trong GCNQSDĐ diện tích 1.317,5 m^2) tọa lạc tại ấp L T, xã L N, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần GCNQSDĐ đất đã cấp cho anh Nguyễn Hoàng L và anh Nguyễn Hoàng Kh thửa đất số 237, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.317,5 m^2.

Lời khai của bà X, anh L, anh Kh (bị đơn) trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Sang đại diện bị đơn trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn như lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Phần đất thửa 237, diện tích 1.317,5 m^2 hiện bà Nh đang tranh chấp với bà X, anh L, anh Kh có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn B> (chồng cụ T) khai phá khoảng năm 1975, sau đó cho con là Nguyễn Văn B1 sử dụng ổn định trồng đậu, trồng nhãn, trồng cao su từ những năm 1990 đến nay. Ngày 06-11-2014, ông Nguyễn Văn B1 có đơn xin cấp GCNQSDĐ và được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Lộc Ninh, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xác định nguồn gốc, sử dụng đúng hiện trạng, không tranh chấp. Đồng thời, những người con của cụ B> và cụ T lập văn bản thỏa thuận cho ông B1, bà Ô (em chồng) được đăng ký quyền sử dụng đất và được toàn quyền quyết định, định đoạt đối với diện tích đất này. Việc lập "Văn bản thỏa thuận" được UBND xã Lộc Ninh xác nhận ngày 24-11-2014. Ngày 22-5-2015, UBND huyện Dương Minh Châu cấp GCNQSDĐ thửa 237 tờ bản đồ số 13, diện tích 1.317,5 m^2, loại đất trồng cây hàng năm cho ông B1 đứng tên. Sau ngày ông Nguyễn Văn B1 chết (ngày 04-6-2016), bà X, anh L và anh Kh lập văn bản phân chia tài sản thừa kế vào ngày 25-9-2019 và đăng ký biến động quyền sử dụng đất. Đến ngày 14-11-2019, anh L và anh Kh được Sở Tài nguyên và Môi trường Tây Ninh cấp GCNQSDĐ diện tích 1.317,5 m^2, thửa số 237, tờ bản đồ số 13.

Nay bà X, anh L, anh Kh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

Bà Ô trình bày: Bà thừa nhận có ký vào văn bản thỏa thuận ngày 24-11-2014, tuy nhiên nội dung bà không có xem và phần đất diện tích 762 m^2 thửa số 244, tờ bản đồ số 13, tại ấp L T, xã L N hiện bà đứng tên GCNQSDĐ không nằm trong 1500 m^2 đất bà của bà Nh mà đất này do người cô của bà tên H tặng cho. Năm 2014, lúc bà đang bận thì ông B1 đưa văn bản trên cho bà ký và nói là đi đăng ký thay bà. Bà yêu cầu mẹ con bà X trả đất cho bà Nh.

**Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu đã quyết định:*

Căn cứ vào Điều 688, 692 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 166 của Bộ luật dân sự, Điều 95, Điều 100, Điều 203 của Luật Đất đai, Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Không chấp nhận khởi kiện của bà Trần Thị Nh yêu cầu bà Phạm Thị X, anh Nguyễn Hoàng L và anh Nguyễn Hoàng Kh trả lại quyền sử dụng đất diện tích 1.317,5 m^2 (đo đạc thực tế 1.260,6 m^2) đất thửa số 237, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã LN, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Nh về yêu cầu hủy 01 phần Giấy chứng quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS03102, số phát hành CT 296836 của Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng Kh ngày 14-11-2019 về diện tích 1.317,5 m^2 thửa đất số 237, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã Lộc Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 31- 01- 2021, bà Nh kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm; hủy 01 phần GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng Kh ngày 14-11-2019 thửa đất số 237, diện tích 1.317,5 m^2, tờ bản đồ số 13; buộc bị đơn trả lại diện tích đất 1.317,5 m^2 thửa đất số 237, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp L T, xã L N, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh cho nguyên đơn.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:*

-Đại diện nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đối với yêu cầu kháng cáo xin thay đổi không yêu cầu hủy án sơ thẩm mà yêu cầu sửa án theo hướng buộc bị đơn trả lại diện tích đất và hủy GCNQSDĐ nêu trên.

-Bị đơn trình bày: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến.

*Phần tranh luận ông Bằng (đại diện nguyên đơn) trình bày:

- Nguồn gốc đất tranh chấp 1.500 m^2 diện tích trong GCNQSDĐ là 1.317,5 m^2 (đo đạc thực tế 1.260,6 m^2) đất thửa số 237, tờ bản đồ số 13, mà bà Nh khởi kiện bà X là của ông B (chồng bà X) đổi với ông Th, ông L có giấy tờ hợp pháp nên đây là tài sản chung của ông B, bà Nh; ông B sử dụng được 02 năm thì cho cụ T mượn sử dụng, tất cả anh em trong nhà đều biết, từ khi cụ T chết đến nay đất này chưa được trả lại cho ông B, bà Nh.

- Ông B1 đã gian dối kê khai đăng ký đất này nhằm chiếm đoạt đất của bà Nh.

- Bà Ô xác nhận phần đất diện tích 762 m^2 thửa số 244, tờ bản đồ số 13, tại ấp L T, xã L N không nằm trong 1500 m^2 bà Nh tranh chấp, mẹ bà không có cho bà phần đất nào cả mà diện tích 762 m^2 do người cô của bà tên H tặng cho, bà không biết chữ nên bị ông B1 lừa ký tên.

- Cấp sơ thẩm chưa làm rõ nguồn gốc đất, chưa đánh giá đầy đủ bản chất của vụ án, không đánh giá đúng lời khai của bà Ô mà công nhận văn bản thỏa thuận ngày 24-11-2014 là thiếu căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nh; sửa án sơ thẩm.

-Bà Nh trình bày: Bà thống nhất ý kiến của ông Bằng, bà không tranh chấp với bà Ô.

-Bà Sang (đại diện bị đơn) trình bày: Đất này ông B1 được mẹ cho, sau khi mẹ chết ông B1 đăng ký và được anh em đồng ý trong đó có ông B nên không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

-Bà Ô trình bày: Thừa nhận chữ ký trong văn bản thỏa thuận là do bà ký, nhưng không xem nội dung, mẹ bà không có cho bà đất nào cả, đất bà được cấp giấy là 762 m^2 của bà H cho.

**Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát Nh dân tỉnh Tây Ninh*:

-Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

-Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Nh; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Nh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Nh kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Nh khởi kiện bà Phạm Thị X và các con bà X là anh Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng Kh tranh chấp diện tích đất 1.317,5 m^2 (đo đạc thực tế 1.260,6 m^2) đất thửa số 237, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp L T, xã L N, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

[3]. Xét kháng cáo của bà Nh thấy rằng:

[3.1]. Về chứng cứ: Ông Th và ông L được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất tổng cộng diện tích là 13.809 m^2. Trong đó đất ruộng là 12.309 m^2, đất đồng 1.500 m^2. Sau đó, giữa ông Th và ông L có trao đổi toàn bộ số ruộng đất cho ông B (chồng bà Nh) lấy 01 xe Cub 50. Việc trao đổi ruộng đất có lập tờ *"Giấy trao đổi ruộng đất ngày 25-4-1989"* có xác nhận của UBND xã Lộc Ninh. Sau khi trao đổi ruộng đất thì ông B trực tiếp sử dụng phần đất ruộng và kê khai đăng ký được cấp GCNQSDĐ năm 1996, phần đất đồng 1500 m^2 ông B không kê khai, đăng ký mà cho rằng giao cho bà T (mẹ ông B) sử dụng nhưng bà Nh không đề xuất được chứng cứ. Tại phiên tòa, bà Nh trình bày cho cụ T mượn đất nhưng sau khi cụ T chết vợ chồng bà cũng không đăng ký đất, không đòi lại đất này đến năm 2019 mới đặt vấn đề đòi đất. Phía bị đơn cho rằng đối với phần đất đồng diện tích 1500 m^2 của cụ T (mẹ chồng bà X), khi bà X kết hôn với ông B1 năm 1990 bà về sống chung nhà với cụ T vợ chồng bà và bà Ô (em chồng) cùng sử dụng trồng đậu, trồng nhãn sau đó trồng cây cao su trên đất này đến nay khoảng 18 năm tuổi. Ngày 05-02-2014, cụ T chết. Ngày 24-11-2014, tất cả các con của cụ T trong đó có ông B (chồng bà Nh) có làm "Văn bản thỏa thuận về việc đăng ký quyền sử dụng đất" có ký tên và điểm chỉ. Trong đó, tách diện tích 1.317,5 m^2 thửa đất số 237 cho ông B1; phần còn lại cho bà Ô phần diện tích 762 m^2 thửa số 244, tờ bản đồ số 13, xã Lộc Ninh, bà Ô và ông B1 đã được UBND huyện Dương Minh Châu cấp GCNQSDĐ cùng ngày 22-5-2015. Văn bản này đã được Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Tây Ninh giám định tại Kết luận giám định số 1195/KL-KTHS ngày 29 tháng 8 năm 2020 kết luận chữ ký và vân tay trong *"Văn bản thỏa thuận về việc đăng ký quyền sử dụng đất" đề ngày 24-11-2014* là của ông B. Như vậy, có căn cứ cho rằng ông B không sử dụng đất đồng mà giao cho mẹ là bà T trọn quyền sử dụng, sau khi bà T chết, ông B và anh em của ông xác nhận đất này là tài sản chung do mẹ để lại sau đó phân chia cho ông B1, bà Ô theo Văn bản ngày 24-11-2014 nói trên. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh là có căn cứ.

[3.2]. Đối với yêu cầu của bà Nh về hủy 01 phần GCNQSDĐ số vào sổ cấp GCN: CS03102, số phát hành CT 296836 của Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng Kh ngày 14-11-2019 thấy rằng: Ngày 22-5-2015, UBND Huyện Dương Minh Châu cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn B1 đúng trình tự pháp luật quy định như niêm yết công khai, lấy ý kiến khu dân cư và không ai tranh chấp vào thời điểm đó. Sau khi ông Nguyễn Văn B1 chết, bà X, anh L và anh Kh lập văn bản phân chia tài sản thừa kế vào ngày 25-9-2019 và đăng ký biến động quyền sử dụng thửa đất. Đến ngày 14-11-2019, anh L và anh Kh được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp GCNQSDĐ diện tích 1.317,5 m^2, thửa số 237, tờ bản đồ số 13 đúng quy định tại Điều 95, Điều 100 của Luật Đất đai nên yêu cầu hủy 01 phần GCNQSDĐ nêu trên của bà Nh là không có căn cứ.

[3.3]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nh; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng: Yêu cầu của bà Nh không được chấp nhận nên bà Nh phải chịu các khoản chi phí về tố tụng là 25.780.000 đồng (gồm các khoản: giám định chữ ký 4.080.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá 4.100.000 đồng, chi phí đo đạc số tiền 17.600.000 đồng), theo quy định tại Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Trần Thị Nh là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Nh;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DSST ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự, Điều 95, Điều 100 của Luật Đất đai, Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nh đối với bà Phạm Thị X, anh Nguyễn Hoàng L và anh Nguyễn Hoàng Kh về tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 1.317,5 m^2 (đo đạc thực tế 1.260,6 m^2) tại thửa số 237, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp L T, xã L N, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Nh về yêu cầu hủy 01 phần Giấy chứng quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS03102, số phát hành CT 296836 của Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng Kh ngày 14-11-2019 về diện tích 1.317,5 m^2 thửa đất số 237, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã Lộc Ninh, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Nh phải chịu 25.780.000 (hai mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi nghìn) đồng, ghi nhận bà đã thanh toán xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Trần Thị Nh được miễn án phí.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. Dương Minh Châu;
- CCTHADS h. Dương Minh Châu;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm